TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ - ST
Ngày 27/9/2018
V/v " ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Seo Vần
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc K.

Địa chỉ: Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: Chị Tạ Thị H.

Địa chỉ: Tổ dân phố P4, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2018 và các bản tự khai của anh Phạm Ngọc K cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì anh Phạm Ngọc K và chị Tạ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 11/10/2005. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị H không chịu khó làm ăn, chơi bời không chăm lo đến cuộc sống gia đình, cuộc sống vợ chồng thường xuyên sẩy ra

bất hòa cãi vã nhau, quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay, chị H bỏ nhà đi không quan tâm gì đến chồng và con, thiếu trách nhiệm với gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh Phạm Ngọc K có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với chị Tạ Thị H.

Về con chung: Anh Phạm Ngọc K xác nhận anh và chị Tạ Thị H chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung với nhau. Cháu Phạm Kiên C - Sinh ngày 20/7/206; Cháu thứ hai Phạm Hà PH - Sinh ngày 06/10/2009, hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh Phạm Ngọc K tại Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn anh Phạm Ngọc K có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Phạm Kiên C và cháu Phạm Hà PH cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Tạ Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc K xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Phạm Ngọc K xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; trình bày những quan điểm về thủ tục tố tụng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật cố tình trốn tránh gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các biện pháp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử cho anh Phạm Ngọc K ly hôn với chị Tạ Thị H.

Xử giao cháu Phạm Kiên C; Sinh ngày 20/7/2006; Cháu Phạm Hà PH; Sinh ngày 06/10/2009 cho anh Phạm Ngọc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tạ Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Ngọc K và chị Tạ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 11/10/2005. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đã có 02 con chung với nhau. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc anh Phạm Ngọc K làm đơn xin ly hôn chị Tạ Thị H là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị H thường xuyên chơi bời, thiếu trách nhiệm với gia đình, chồng con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Thực tế anh chị đã tự sống ly thân nhau từ tháng 12/2016 cho đến nay, hiện nay chị H ở đâu làm gì anh cũng không biết nhưng thỉnh thoảng chị vẫn về thăm con rồi lại đi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 21/5/2018 anh Phạm Ngọc K làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với Tạ Thị H.

Đối với chị Tạ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Thị H thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, tại nơi cư trú không có anh em họ hàng thân thích do vậy Tòa án không tiến hành tống đạt được các văn bản tố tụng cho Tạ Thị H mà phải tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng Tạ Thị H không những không trả lời Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của Phạm Ngọc K mà thậm chí chị H cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay Phạm Ngọc K vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với chị Tạ Thị H với lý do tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét yêu cầu của anh Phạm Ngọc K và đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các qui định tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2].Về con chung:

Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Phạm Ngọc K xác nhận: anh và chị Tạ Thị H chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung. Cháu Phạm Kiên C; Sinh ngày 20/7/2006; Cháu Phạm Hà PH; Sinh ngày 06/10/2009, hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh tại Tổ dân phố P1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn anh Phạm Ngọc K có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu Phạm

Kiên C và cháu Phạm Hà PH cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Tạ Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét yêu cầu của anh Phạm Ngọc K và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc để anh Phạm Ngọc K được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu Phạm Kiên C và cháu Phạm Hà PH là có căn cứ. Bởi lẽ kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn thì các cháu đều do anh Phạm Ngọc K chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, Chị Tạ Thị H thường xuyên bỏ đi không hề quan tâm gì đến cuộc sống gia đình và các con, để mặc anh Phạm Ngọc K nuôi dưỡng con. Mặt khác bản thân anh Phạm Ngọc K là cán bộ công tác tại cơ sở cai nghiện số 1 tỉnh Lào Cai có mức lương thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc các con. Do vậy việc giao các cháu cho anh Phạm Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tâm tư nguyện vọng của các cháu, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các cháu.

[3]Về tài sản chung:

Anh Phạm Ngọc K xác nhận trong thời gian chung sống anh và chị Tạ Thị H chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Anh Phạm Ngọc K xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí:

Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Ngọc K ly hôn với chị Tạ Thị H.

2.Về con chung: Xử giao cháu Phạm Kiên C - Sinh ngày 20/7/2006 và cháu Phạm Hà PH - Sinh ngày 06/10/2009 cho anh Phạm Ngọc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tạ Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, chị Tạ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Anh Phạm Ngọc K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007578 ngày 24/5/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B. Xác nhận anh Phạm Ngọc K đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện B(2);*
- *Chi cục THA dân sự huyện B;*
- *UBND TT P, huyện B;*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS – TA - VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Như Long